

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09/7/2020

“V/v tranh chấp hôn nhân và  
gia đình, ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Trịnh Trần Tuyết Trinh;

2. Trương Quang Trung;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 09/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 105/2020/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 111/2020 ngày 29/6/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Đoàn Thị P, sinh năm 1985; địa chỉ: Tổ 10, ấp M, xã V, thành phố C, An Giang.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982; địa chỉ: Số 1153, tổ 8, ấp M, xã V, thành phố C, tỉnh An Giang là bị đơn trong vụ án.

Bà P có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/3/2020 và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà P trình bày:

Bà P và ông T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ (nay là UBND phường Vĩnh Mỹ), thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang theo số 07

ngày 11/02/2003. Sau khi kết hôn, cả hai vợ chồng cùng sống tại ấp Mỹ Phú, xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc.

Quá trình chung sống, ông T thường xuyên ghen vợ có, đánh đập bà P. Không chịu đựng được nên bà P và ông T không còn chung sống với nhau, hiện nay cả hai đều đi làm thuê.

Nay thấy tình cảm không còn, nên bà P xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà P xác định vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/3/2001 đã trưởng thành và lập gia đình; Nguyễn Thanh T, sinh 29/4/2007 hiện đang sống cùng ông T; Nguyễn Thanh T sinh 07/01/2003 đang sống cùng bà P.

Bà P có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thanh T sinh 07/01/2003, giao con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh 29/4/2007 cho ông T nuôi dưỡng, mỗi người nuôi một người, không ai cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T vắng mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành xác minh để thu thập chứng cứ được biết, Bà P và ông T có hộ khẩu tại ấp Mỹ Phú, xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, nhưng hiện nay cả hai đều đi làm thuê ở tỉnh khác, ông T thỉnh thoảng đi làm thuê cũng trở về địa phương sống chung với mẹ và con trai Nguyễn Thanh T. Về tình cảm thì không rõ mâu thuẫn như thế nào, nhưng cả hai vợ chồng không chung sống với nhau nhiều năm nay.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng đối với bị đơn Nguyễn Thanh T là không có mặt khi Tòa án mời làm việc, hòa giải và xét xử.

Ý kiến về giải quyết vụ án:

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà P và ông T có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Qua lời khai của bà P cũng như kết quả xác minh giữa bà P và ông T có xảy ra mâu thuẫn, do ông T thường uống rượu, ghen tuông vô cớ rồi đánh bà P, hiện vợ chồng không còn chung sống nhiều năm.

Nhận thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chăm sóc giúp đỡ nhau, nhưng giữa bà P và ông T đã mâu thuẫn, sống xa cách nhau từ nhiều năm nay, cho thấy hôn nhân giữa bà P và ông T thuộc tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận ly hôn của nguyên đơn.

*Về con chung:* Bà P xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị T, sinh ngày 02/3/2001 đã trưởng thành và lập gia đình; Nguyễn Thanh T, sinh 29/4/2007 có nguyện vọng và đang sống cùng ông T; Nguyễn Thanh T sinh 07/01/2003 có nguyện vọng và đang sống cùng bà P.

Như vậy, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, đề nghị chấp nhận cho Bà P được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thanh T sinh 07/01/2003, ông T được nuôi dạy con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh 29/4/2007, mỗi người nuôi một người, không ai cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau.

Bà P, ông T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở lẫn nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Đồng thời, bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố Châu Đốc. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:*

[3] Về quan hệ hôn nhân, Bà P và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ, thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang nên được pháp luật công nhận, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện công việc trong gia đình thế nhưng giữa Bà P và ông T đã mâu thuẫn, sống xa cách nhau từ năm 2019 đến nay, cả hai không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc, mặc ai nấy sống, cho thấy hôn nhân giữa Bà P và ông T thuộc tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà P yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận ly hôn của nguyên đơn.

[4] Về con chung:

Bà P xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 03 con chung. Theo đó, cháu Nguyễn Thị T đã trưởng thành nên không xem xét, còn lại Bà P có yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thanh T sinh 07/01/2003, giao 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh 29/4/2007 cho ông T nuôi dưỡng.

Qua xác minh, thu thập chứng cứ thì nguyện vọng của cháu Trung muốn được sống cùng cha, cháu Toàn muốn sống cùng mẹ, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà P về việc nuôi con chung, mỗi người nuôi một người, không ai cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau. Bà P, ông T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở lẫn nhau trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà P khai không có nên không đề cập xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp. Bị đơn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 227, Điều 228, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Đoàn Thị P.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị P được ly hôn Ông Nguyễn Thanh T.

[2] Về con chung: Bà Đoàn Thị P được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thanh T sinh 07/01/2003, ông Nguyễn Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng 01 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh 29/4/2007 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, có khả năng lao động, mỗi người nuôi một người con, không ai cấp dưỡng nuôi con chung lẫn nhau.

Bà P, ông T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở lẫn nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Bà Đoàn Thị P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0003686 ngày 19 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc; Bà P đã nộp đủ án phí. Ông Nguyễn Thanh T không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Mỹ (nay là UBND phường Vĩnh Mỹ), thị xã Châu Đốc (nay là thành phố Châu Đốc), tỉnh An Giang theo số 07 ngày 11/02/2003 không còn giá trị pháp lý.

[7] Trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ, Bà Đoàn Thị P, Ông Nguyễn Thanh T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát TPCĐ (2);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**Trịnh Thị Ngọc Hà**